

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2024

“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Lan và ông Vũ Đăng Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn ST, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn N, xã BX, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Lê Huy H, sinh năm 1977.

HKTT: Thôn ST, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

(Anh H, chị L đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào ngày 22/7/1999 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn ST, xã TH. Trong quá trình chung sống vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận được vài năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường hay uống rượu say rồi về nhà gây sự chửi bới, đe dọa chị.

Vì nghĩ đến con nên chị đã nhẫn nhịn chịu đựng nhưng anh H không thay đổi, luôn tạo áp lực cho chị, thường xuyên uống rượu về chửi vợ, chửi con thậm chí chửi cả người ngoài... mâu thuẫn âm ỉ trong suốt thời gian dài cho đến thời gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, níu kéo nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 2 con chung là Lê Thị H1, sinh ngày 27/5/2000 và Lê Huy H2, sinh ngày 07/02/2010. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Lê Huy H2, đối với con chung Lê Thị H1 đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Trường hợp cháu H2 có nguyện vọng ở với bố chị cũng sẽ tôn trọng quyết định của con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là anh Lê Huy H trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung như chị L trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận, tuy nhiên không tránh khỏi mâu thuẫn. Cuối tháng 10/2023 giữa anh và chị L có xảy ra to tiếng, xô sát, sau đó chị L đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở không quay lại chung sống cùng anh. Anh không muốn vợ chồng ly hôn vì không muốn các con thiệt thòi, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của bố hoặc mẹ.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh muốn được nuôi dưỡng con chung Lê Huy H2 và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh tôn trọng quyết định của cháu H2, cháu muốn ở với ai anh cũng đồng ý. Đối với con chung Lê Thị H1 đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/12/2023 sau đó tự ý bỏ về và không ký vào biên bản hòa giải đồng thời đưa ra quan điểm sẽ không đến Tòa án để làm việc là thực hiện không đúng quy định làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm của pháp luật, ảnh hưởng đến thời gian, công việc của Thẩm phán và đương sự khác trong vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và L phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Lê Huy H; về con chung: giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn là anh Lê Huy H cư trú tại thôn ST, xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Huy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/7/1999, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Huy H là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị L hòa thuận, hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Anh H, chị L đã ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ nhiều năm nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H, chị L có hai con chung là Lê Thị H1, sinh ngày 27/5/2000 và Lê Huy H2, sinh ngày 07/02/2010. Đối với con chung Lê Thị H1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không đặt ra xem xét việc nuôi dưỡng. Đối với con chung Lê Huy H2, hiện đang do chị L nuôi dưỡng, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên cả hai đều xác định tôn trọng ý kiến của con, con muốn ở với ai anh chị đều nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng cả anh H và chị L đều có đủ các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên, để đảm bảo

quyền lợi mọi mặt và đáp ứng nguyện vọng của con, cần giao cho chị L nuôi dưỡng con chung Lê Huy H2, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị L, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và L phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Huy H.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Huy H2, sinh ngày 07/02/2010 (hiện đang ở cùng chị L) đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Lê Huy H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/23 số 0002056 ngày 14/11/2023. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4- Về quyền kháng cáo: Anh H, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Nam